

VỘI VÀNG

(2 tiết)

XUÂN DIỆU

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được lòng ham sống bông bột và mãnh liệt của *cái tôi* hiện đại cùng với một quan niệm mới về thời gian, tuổi trẻ và hạnh phúc.

– Nhận ra sự kết hợp nhuần nhị giữa mạch cảm xúc dồi dào và mạch triết luận sâu sắc trong tổ chức văn bản của bài thơ, cùng những sáng tạo mới lạ trong hình thức thể hiện.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Về phong cách Xuân Diệu

– Được mệnh danh là "nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới", Xuân Diệu là tiếng thơ thể hiện đầy đủ nhất cho ý thức cá nhân của *cái tôi* thơ mới đồng thời mang đậm bản sắc riêng. Trước hết, nó hiện ra trong hình tượng một *cái tôi* tích cực mãnh liệt. *Cái tôi* ấy bám riết lấy trần gian, chạy đua với thời gian, lúc nào cũng thèm yêu khát sống, với triết lí "Làm sao sống được mà không yêu - Không nhớ không thương một kẻ nào", với chủ trương "Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối - Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm". Vì thế, lúc nào *cái tôi* ấy cũng khát khao tận hưởng và tận hiến ngay trên thiên đường trần thế này. Đồng thời, nó còn hiện ra trong một giọng điệu sôi nổi, bông bột, vô vấp, cuống quýt, cả khi vui lẫn khi buồn.

– Cái nhìn của Xuân Diệu về thiên nhiên là cái nhìn tình tứ, nên thiên nhiên thường hiện ra với vẻ đẹp xuân tình. Cụ thể là những sự vật, hiện tượng, cảnh sắc thiên nhiên đều trẻ trung, xuân sắc và gợi cảm. Vạn vật đều tình tứ – "Vạn vật nức xuân tâm", "Tình thổi gió màu yêu lên pháp phối". Mà cảnh vật thường được quy chiếu về vẻ đẹp của những giai nhân, tình nhân và thành những cặp đôi. Ví như vầng trăng : "Trăng từ viễn xứ - Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn"(Lời kĩ nữ), hay mùa thu đến : "Đây mùa thu tới, mùa thu tới -

Với áo mơ phai dệt lá vàng" (*Đây mùa thu tới*), hoặc con đường : "Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu - Lả lả cành hoang nắng trở chiều" (*Thơ duyên*), v.v.

– Thơ Xuân Diệu cũng rất tiêu biểu cho tinh thần lãng mạn ở chỗ mỗi tiếng thơ như một cơn lũ cảm xúc tuôn chảy ào ạt. Câu này gọi câu kia, hình ảnh này gọi hình ảnh khác trong một hơi thơ dồi dào, lời cuốn. Tuy nhiên, mỗi thi phẩm của Xuân Diệu đều có một cấu tứ khá chặt chẽ. Không chỉ giải bày cảm xúc, phơi trải tâm tình một cách đơn thuần, thi sĩ còn nêu ra những quan niệm, những triết lí. Quan niệm về tuổi trẻ, hạnh phúc, tình yêu, về thời gian, trần gian, về thi ca, thi sĩ, về sắc đẹp, cái đẹp,... Mỗi quan niệm và triết lí ấy đều được triển khai một cách hệ thống, lớp lang, thành một mạch triết luận song hành với mạch cảm xúc. Cả hai mạch này thường quyện chặt với nhau, xuyên thấm vào nhau.

b) Về bài *Vội vàng*

Đây là một thi phẩm kết tinh được nhiều bình diện của phong cách thơ Xuân Diệu. Nhan đề này vừa chứa đựng một tâm thế sống, vừa chứa đựng một triết lí sống. Tâm thế được giải bày thành hình tượng *cái tôi*, thành giọng thơ, hơi thơ, thành mạch cảm xúc và hình ảnh thiên nhiên, đời sống hấp dẫn kì thú. Triết lí được triển khai thành mạch triết luận với một hệ thống lô gích nội tại khá chặt chẽ.

2. Về phương pháp

Cần rèn HS đọc sao cho diễn cảm, đúng cảm xúc và giọng điệu. Rèn kĩ năng phân tích thơ trên cả hai bình diện : vừa nổi bật được mạch cảm xúc hình ảnh (ngữ điệu say sưa, bay bổng, tha thiết,...), vừa nổi bật được mạch triết luận cấu tứ (ngữ điệu cần nhấn mạnh vào những từ ngữ, vế câu có mục đích cắt nghĩa, tranh luận,...).

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

– GV giới thiệu vài nét về tác giả (sẽ được học kĩ ở bài tác giả *Xuân Diệu*, SGK, tr. 34)

– Giới thiệu phong cách thơ Xuân Diệu, đặc biệt nhấn mạnh những nét có liên quan đến bài này.

– Tạo tâm thế cho HS bằng cả những hình ảnh phù hợp với tác giả và tác phẩm (ảnh chân dung tác giả, quê hương tác giả, bìa tập thơ,...).

2. Phân nội dung chính

Câu hỏi 1

Dựa theo nội dung, hình tượng và sự chuyển đổi lối xưng hô, có thể giúp HS chia bố cục thành hai phần.

– Phần đầu (từ "Tôi muốn tắt nắng đi" cho đến "Mùa chưa ngả chiều hôm") : Ở đây thi sĩ xưng "tôi" là muốn bộc bạch với mọi người, với cuộc đời. Nội dung cảm xúc là niềm ngất ngây trước cảnh sắc trần gian đang bày ra trước mắt như một bữa tiệc lớn dành cho giác quan và tâm hồn. Nội dung triết luận là việc "lập thuyết" : trình bày những lí lẽ vì sao phải sống "vội vàng", mà chủ yếu là xuất phát từ nhận thức và quan niệm về hạnh phúc trần gian, thời gian và tuổi trẻ. Lô gích của nó là : trần thế như một thiên đường ngay trên mặt đất, sẵn bày bao nguồn hạnh phúc kì thú. Những cảnh sắc ấy cũng chỉ thực sự thần tiên trong cái xuân thì của nó. Con người chỉ có thể tận hưởng được những nguồn hạnh phúc ấy khi còn trẻ thôi. Trong khi đó tuổi trẻ lại vô cùng ngắn ngủi. Thời gian có thể cướp đi tất cả. Vậy chỉ có một cách là chạy đua với thời gian. Là phải "vội vàng". Đây là một triết lí tích cực.

– Phần hai là phần còn lại. Thi sĩ xưng "ta" là muốn đối diện với toàn thể sự sống trần gian – đối tượng cần tận hưởng. Nội dung cảm xúc thể hiện rõ ở những hành động vô vấp, chệnh choáng của một *cái tôi* đầy ham muốn, đang muốn tận hưởng cho thật nhiều, thật đã đầy những hương sắc trần thế. Nội dung triết luận lại nghiêng về "thực hành" : "*Vội vàng*" là phải thế nào ? Là nhanh chóng, khẩn trương, là mở rộng lòng ôm chứa, thấu tóm ghì riết để tận hưởng khôn cùng khôn thoả.

Hai phần này chuyển tiếp rất tự nhiên về cảm xúc, rất chặt chẽ về luận lí. Nó khiến cho bài thơ liền mạch và hoàn chỉnh cứ như một dòng chảy ào ạt, hoàn toàn hồn nhiên của tâm trạng. Ngõ như thi sĩ không phải dụng công trong việc cấu tạo, thiết lập, sắp xếp gì vậy. Đây chính là một thành công đáng kể của thi phẩm.

Câu hỏi 2

Dành thời gian cho HS đọc diễn cảm, đồng thời uốn nắn các em đọc sao cho thật đúng tình điệu cảm xúc của thi phẩm, nhất là hơi thơ dồi dào tuôn chảy, nhịp thơ sôi nổi, gấp gáp. Tất cả nhằm làm toát lên giọng điệu cuống quýt, vội vàng rất điển hình của Xuân Diệu trong bài này.

Xuân Diệu đã tạo ra nhạc điệu đặc biệt của bài thơ này bằng nhiều thủ pháp đa dạng, chúng hoà điệu với nhau rất ăn ý và nhuần nhuyễn.

– Trước hết, cả bài thơ được tổ chức thành một lời bộc bạch khá trực tiếp. Y như đang có đối tượng giao tiếp ngay trước mặt, còn chủ thể thì đang nhiệt thành phơi trải lòng mình say sưa nhất, phấn chấn nhất. Lời thơ, vì thế có rất nhiều yếu tố của văn bản nói : cách tranh biện hăng hái ("Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn - Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại"), mật độ dày những từ nghiêng về khẩu ngữ : từ để trỏ, tạo nhịp điệu cho những động thái của chủ thể (*Này đây... này đây*), lối cắt nghĩa liên tục (*Nghĩa là... nghĩa là*), liên từ dùng cấp tập (*Và... và... và*), v.v.

– Nhưng phổ biến nhất là thủ pháp trùng điệp, gồm cả điệp cú, điệp ngữ, điệp từ,... Mà thủ pháp này được dùng rất linh hoạt, biến hoá, chứ không hề đơn điệu, khiến cho mạch thơ tuôn chảy rất tự nhiên. Điệp lại những kiểu câu (bộc bạch ao ước : "Tôi muốn tắt nắng đi - Cho màu đừng nhạt mất", "Tôi muốn buộc gió lại - Cho hương đừng bay đi". Xác định sở hữu : *Của... này đây*, đảo lại *Này đây... của*, rồi lại nhấn mạnh *Và này đây... Hay lối cắt nghĩa : "Xuân đương tới nghĩa là... Xuân còn non nghĩa là..."*). Điệp lại các cụm từ, các từ (*Ta muốn... ta muốn..., cho... cho..., và... và...*), v.v.

– Cách chuyển tiếp các thể thơ và ngắt nhịp cũng khá đa dạng và linh hoạt. Bốn câu đầu là thơ năm chữ. Phần còn lại là thơ tám chữ. Phần cuối lại có sự phá cách bằng việc tách ra một câu riêng chỉ gồm ba chữ "Ta muốn ôm". Nhịp điệu trong toàn bài không thể không bị chi phối bởi những chuyển đổi lớn này. Nó tạo ra những bước ngoặt trong mạch thơ, những đột biến trong cảm xúc, tựa như việc chuyển điệu, chuyển làn, khiến hơi thơ tràn đi thành những cao trào liên tiếp. Nhịp điệu trong câu thơ tám chữ cũng được ngắt theo dạng phổ biến là : 3 / 3 / 2 (*Này đây lá / của cành tơ / phơ phất*) rồi đảo nhanh sang 3 / 2 / 3 (*Của yến anh / này đây / khúc tình si*), có lúc câu thơ tám tiếng bỗng biến thành mười tiếng với nhịp giãn rộng 5 / 5 (*Cho chính choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng*) tựa như những cú đảo phách trong âm nhạc, vừa hoà hợp với những bước trùng điệp về cú pháp, về từ, lại vừa linh hoạt về tiết tấu. Tất cả khiến cho nhịp điệu cứ sôi nổi, bông bột, chuyển tải được một điệu tâm hồn say sưa chéng choáng.

Câu hỏi 3

Điều đầu tiên cần khẳng định cho HS rằng : *Thời gian* trong vũ trụ này thì muôn đời vẫn thế. Chỉ có *quan niệm của con người về thời gian* thì đổi thay. Sự đổi thay này có thể do trình độ nhận thức khoa học, ý thức triết học, ý thức thẩm mỹ,... của mỗi thời một khác.

Trong bài thơ này, Xuân Diệu đã đưa ra một quan niệm mới của mình về thời gian.

– Cách thức trình bày của Xuân Diệu là "chống đối", "tranh cãi" lại quan niệm xưa, đồng thời bộc bạch quan niệm của mình bằng một cảm xúc sôi nổi, cuồng nhiệt – nghĩa là bằng một dạng ý thức triết học đã được thấm nhuần cảm xúc. Có thể trích dẫn đoạn từ "Xuân đương tới nghĩa là..." cho đến "Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?", rồi phân tích giọng tranh luận, biện bác, nhịp điệu sôi nổi khẩn trương và những câu thơ đầy mỹ cảm về cảnh sắc thiên nhiên, trong đó chứa đựng cảm nhận về thời gian.

– Cụ thể : Quan niệm cũ về thời gian mà Xuân Diệu muốn chống đối là *thời gian tuần hoàn*. Nghĩa là thời gian được hình dung như một vòng tròn liên tục tái diễn, hết một vòng lại quay về điểm xuất phát, cứ trở đi rồi trở lại mãi mãi. Mà đã là vòng tuần hoàn thì những thời khắc, thời đoạn của nó có ra đi rồi cũng sẽ quay trở về (*Xuân đi thì xuân lại quay lại*). Quan niệm đó xuất phát từ cái nhìn tĩnh có phần siêu hình, lấy sinh mệnh vũ trụ để làm thước đo thời gian.

Xuân Diệu lựa chọn cho mình một quan niệm khác, là *thời gian tuyến tính*. Nghĩa là thời gian được hình dung như một dòng chảy xuôi chiều, một đi không trở lại. Vì thế, mỗi khoảnh khắc trôi qua là mất đi vĩnh viễn. Quan niệm này xuất phát từ cái nhìn động, rất biện chứng về vũ trụ, về thời gian :

Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua

Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,

Xuân Diệu lấy sinh mệnh cá thể làm thước đo thời gian. Tức là lấy cái quỹ thời gian hữu hạn của sinh mệnh cá thể ra để đo đếm thời gian trong vũ trụ. Thậm chí, lấy quãng ngắn nhất, giàu ý nghĩa nhất trong sinh mệnh con người là tuổi trẻ ra để làm thước đo :

Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.

Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,

Không cho dài thời trẻ của nhân gian,

Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,

Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại !

Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,

Nên bàng khuâng tôi tiếc cả đất trời ;

Vì thế, cảm nhận về thời gian của Xuân Diệu là cảm nhận đầy tính mất mát. Mỗi khoảnh khắc trôi qua là một sự mất mát, đó chính là một phần đời

trong sinh mệnh cá thể đã mất đi vĩnh viễn, thậm chí hơn, là một phần vô cùng quý giá của tuổi trẻ mình đã mất đi vĩnh viễn.

*Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt...*

Hai câu thơ này thể hiện rất rõ cách cảm nhận tinh vi về thời gian của Xuân Diệu. Mỗi khoảnh khắc đang lia bỏ hiện tại để trở thành quá khứ được hình dung như một cuộc chia lìa. Khoảnh khắc nào cũng là một chia lìa, một mất mát. Và dòng thời gian được nhìn như một chuỗi vô tận của những mất mát chia phôi, cho nên thời gian thấm đẫm hương vị của chia lìa. Và dậy lên đó đây khắp sông núi là những lời than thở tiễn biệt. Đó là lời thở than của vạn vật. Là không gian đang tiễn biệt thời gian. Mà sâu xa hơn, là mỗi một sự vật thiên nhiên đang ngậm ngùi tiễn biệt một phần đời của chính nó. Những phần đời của sinh mệnh mình đang ra đi không thể nào cưỡng lại, nó tạo nên sự trôi chảy không ngừng, tạo nên sự phôi pha, phai tàn của từng cá thể :

*Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi ?
Chim rộn ràng bỗng dứt tiếng reo thì,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa ?*

Cách cảm nhận về thời gian như vậy, xét đến cùng là xuất phát từ ý thức sâu xa về giá trị của sự sống cá thể. Mỗi khoảnh khắc trong đời cá thể đều vô cùng quý giá. Nó quý giá chính vì một khi đã mất đi là mất đi vĩnh viễn. Quan niệm ấy khiến cho con người biết quý từng giây phút của đời mình. Và biết làm cho mỗi khoảnh khắc của đời mình cần phải tràn đầy ý nghĩa. Có như thế mới là biết sống. Đây là cơ sở sâu xa của thái độ sống "vội vàng".

Rõ ràng, toàn bộ quan niệm và thái độ ấy đã thể hiện sự tích cực rất đáng trân trọng của tư tưởng Xuân Diệu.

Câu hỏi 4

Giúp HS cảm thụ được chất thơ ở những hình ảnh gần gũi, quen thuộc, cách cảm nhận rất độc đáo của Xuân Diệu.

– Xuân Diệu đã làm sống dậy nét quyến rũ, điệu tình tứ, vẻ kì thú và ngon lành ngay trong những cảnh sắc sự vật thiên nhiên quen thuộc :

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật ;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì ;*

*Này đây lá của cành tơ phơ phất ;
Của yến anh này đây khúc tình si ;
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,
Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa ;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần ;*

– Đem đến những cảm nhận tinh vi về thời gian, không gian, làm sống dậy vẻ thơ mộng và cả những tình thái tế nhị thật bất ngờ trong thiên nhiên :

*Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt...
Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi ?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa ?*

– Bao trùm lên tất cả là cái nhìn tình tứ về sự vật. Nhờ đó mà từng cảnh sắc đều tình tứ, mọi cảnh tượng đều tràn ngập xuân tình. Cái nhìn ấy đã quy chiếu thiên nhiên về vẻ đẹp của giai nhân. Từ những hình sắc cụ thể theo lối đặc tả cận cảnh đến toàn thể thiên nhiên rộng lớn theo lối bao quát toàn cảnh thường hiện ra trong dáng nét của giai nhân, tình nhân tràn trề xuân sắc :

*– Tháng giêng ngon như một cặp môi gần ;
– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !*

Đó là những yếu tố cơ bản khiến cho cảnh sắc quanh ta vốn thân quen bình dị mà qua cách cảm nhận của Xuân Diệu, bỗng trở nên mới lạ và thơ mộng, hấp dẫn đến thế.

– Hình ảnh thiên nhiên quen thuộc trở nên hấp dẫn là nhờ Xuân Diệu có một lối cảm nhận riêng, mới lạ. Có thể nói, Xuân Diệu đã cảm nhận nó bằng cảm xúc và cái nhìn trẻ. Cái nhìn này có hai biểu hiện : một là, cảnh vật thiên nhiên hiện lên trong cái *thời tươi* ("Cho no nê thanh sắc của thời tươi") của nó ; mặt khác, cảnh sắc thiên nhiên cũng hiện ra trong cái *độ phai tàn* ("Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa ?") của nó.

Cụ thể :

+ Xuân Diệu đã khơi dậy vẻ tinh khôi, thanh tân, gợi tình trong sự vật ; đồng thời, thi sĩ cũng đã nhìn các sự vật ấy không phải bằng cái nhìn thường thức, mà bằng cái nhìn luyến ái chứa đựng khát khao chiếm hữu. Nghĩa là ông

chú ý đến vẻ *xuân tình* của cảnh vật và trút vào mỗi cảnh vật cả *xuân tình* của lòng mình. Vì thế, nét hấp dẫn trong hình ảnh thiên nhiên của Xuân Diệu, về thực chất, là vẻ hấp dẫn của *xuân* và *tình*. Nếu nhìn cho thật sâu sắc thì, chung quy, chỉ là vẻ hấp dẫn của *tình* thôi. Bởi vì, *tình* là nội dung, *xuân* là hình thức; *tình* dậy men bên trong phát lộ thành vẻ *xuân* bên ngoài. Vẻ *xuân* của vạn vật chỉ là hiện thân của *tình*. Tất cả đều huy hoàng, tươi thắm :

- *Của ong bướm này đây tuần tháng mật ;*
... này đây khúc tình si
- *Tháng giêng ngon như một cặp môi gần ;*
- *Cả sự sống mới bắt đầu mơn mớn ;*
[...] Cho no nê thanh sắc của thời tươi ;
- *Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi.*

+ Trái lại, bước vào độ phai tàn, cảnh sắc xung quanh lập tức tàn héo, hương và sắc đều phai pha, phai lạt. Cảnh vật không còn *xuân tình* nữa. Đây là mặt tương phản của cái nhìn *trẻ*. Cho nên vạn vật đều buồn bã, u ám :

Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi ?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa ?

- Cách nhìn nhận thiên nhiên ấy cho thấy Xuân Diệu ý thức rất sâu sắc rằng : giá trị lớn nhất của đời người là *tuổi trẻ*, mà hạnh phúc lớn nhất của tuổi trẻ chính là *tình yêu*. Một cách nhìn nhận thật tích cực, với một tinh thần nhân văn mới.

Câu hỏi 5

Nghệ thuật sử dụng ngôn từ trong đoạn thơ :

Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mớn ;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,

Cho no nê thanh sắc của thời tươi ;

– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !

Có thể thấy cảm xúc tràn trề ào ạt đã khiến Xuân Diệu tìm đến một phép sử dụng ngôn từ khá đặc biệt. Đó là tạo ra những làn sóng ngôn từ đan xen nhau, cộng hưởng với nhau theo chiều tăng tiến, càng lúc càng dâng lên cao trào. Trong đó, việc phối hợp các hệ thống trùng điệp đóng vai trò rất chủ đạo.

– Toàn bộ đoạn thơ được tổ chức thành tiếng lòng của nỗi khao khát mãnh liệt. Tiếng lòng ấy là một chuỗi điệp cú, hình thái thì điệp nguyên vẹn, còn động thái và cảm xúc thì điệp lối tăng tiến : *Ta muốn ôm, Ta muốn riết, Ta muốn say, Ta muốn thâu*, và cuối cùng *Ta muốn cắn*. Vì thế tính cao trào rất rõ nét.

– Trong đó là sự hỗ trợ của những hệ thống điệp từ khác : liên từ – *Và non nước, và cây, và cỏ rạng* ; giới từ điệp nguyên vẹn, gắn với những trạng thái càng lúc càng mãnh liệt : *cho chính choáng, cho đã đầy, cho no nê,...*

Bên cạnh đó, phải kể đến hệ thống những tính từ chỉ xuân sắc, động từ chỉ động thái đắm say, những danh từ chỉ vẻ đẹp thanh tân tươi trẻ tạo ra những hình ảnh tình tứ quyến rũ : *bắt đầu mơn mớn, mây đưa gió lượn, cái hôn nhiều, cỏ rạng, mùi thơm, ánh sáng, thanh sắc, thời tươi, xuân hồng,...*

Tất cả những phương diện ngôn từ ấy đều được dùng thuần thực, tinh vi, chuyển tải được nhuần nhuyễn những tình ý mãnh liệt và táo bạo của *cái tôi* thi sĩ, chứng tỏ Xuân Diệu ngay từ khi còn trẻ đã thực sự là một bậc thầy về tiếng Việt.

Câu hỏi 6

Từ những phân tích quan niệm mới về thời gian – tuổi trẻ – hạnh phúc trong toàn bài, có thể hình dung *cái tôi* Xuân Diệu thật điển hình cho thời đại thơ mới :

– Một ý thức ráo riết về giá trị đời sống của cá thể. Nghĩa là một ý thức nhân bản, nhân văn rất cao.

– Một quan niệm táo bạo đầy tính cách mạng trước những quan niệm cũ kỹ vốn cản trở việc giải phóng con người cá thể.

– Một niềm thiết tha với cuộc sống trần thế, niềm vui trần thế.

– Một khát khao sống mãnh liệt và một tâm thế sống cuồng nhiệt tích cực.

3. Phân củng cố

– Chốt lại hệ thống quan niệm về thời gian, tuổi trẻ và hạnh phúc của Xuân Diệu được thể hiện trong bài.

– Khắc sâu bố cục hai phần của bài : phần đầu nghiêng về "lập thuyết", phần sau nghiêng về "thực hành".

– Chốt lại những đặc sắc về nhịp điệu, hình ảnh và ngôn ngữ được sử dụng trong bài.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Nghệ thuật của Xuân Diệu trong việc sáng tạo những hình ảnh thơ độc đáo trong bài thơ (Ví dụ : "Tháng giêng ngon như một cặp môi gần", hay hình ảnh trong các câu "Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi", "Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !" ,...).

– Phân tích cách liên tưởng của thi sĩ trong việc tạo hình ảnh thơ.

– Chú ý đến tính chất của những cảm giác mà nhà thơ huy động để diễn tả đối tượng, chú ý đến những động thái của chủ thể.

– Chú ý thủ pháp chuyển đổi giác quan khi thể hiện cảm giác trong việc diễn tả hình ảnh.

– Trên cơ sở đó, liên hệ với nhiều hình ảnh tương tự rất phong phú trong thơ Xuân Diệu để tổng hợp thành đặc điểm.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– *Xuân Diệu – Về tác gia và tác phẩm*, Lưu Khánh Thơ tuyển chọn và giới thiệu, NXB Giáo dục, 2000.

– Chu Văn Sơn, *Ba đỉnh cao thơ mới : Xuân Diệu – Nguyễn Bính – Hàn Mặc Tử*, NXB Giáo dục, 2003.